**Mô hình use case**

Mục lục

[**1)** **Mô hinh use case** 2](#_Toc470211792)

[**2.** **Kịch bản cho mổ hình use case** 3](#_Toc470211793)

[a. Kịch bản cho use case cập nhật sinh viên 3](#_Toc470211794)

[b. Kịch bản cho use case cập nhật sinh viên 3](#_Toc470211795)

[c. Kịch bản cho use case sắp xếp sinh viên 4](#_Toc470211796)

[d. Kịch bản cho use case thống kê sinh viên 4](#_Toc470211797)

[e. Kịch bản cho use case xuất sinh viên 5](#_Toc470211798)

[f. Kịch bản cho use case thêm sinh viên 5](#_Toc470211799)

[g. Kịch bản cho use case sửa sinh viên 6](#_Toc470211800)

[h. Kịch bản cho use case xóa sinh viên 6](#_Toc470211801)

[i. Kịch bản cho use case sắp sếp sinh viên theo sbd 7](#_Toc470211802)

[j. Kịch bản cho use case sắp xếp sinh viên tăng dần theo điểm tổng 7](#_Toc470211803)

[k. Kịch bản cho use case sắp xếp sinh viên tăng dần theo Anphabe 8](#_Toc470211804)

[l. Kịch bản cho use case tìm kiếm sinh viên theo điểm tổng 8](#_Toc470211805)

[m. Kịch bản cho use case tìm kiếm theo SBD 9](#_Toc470211806)

[n. Kịch bản cho use case tìm kiếm sinh viên theo họ tên 10](#_Toc470211807)

[o. Kịch bản cho use case tìm kiếm sinh viên theo môn 10](#_Toc470211808)

[p. Kịch bản cho use case thông kê tổng số sinh viên 11](#_Toc470211809)

[q. Kịch bản cho use case thông kê sinh viên có điểm nhỏ hơn 15 11](#_Toc470211810)

1. **Mô hinh use case**



Hình 1.1: Mô hình Use case

1. **Kịch bản cho mổ hình use case**
   1. Kịch bản cho use case cập nhật sinh viên

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case** | Cập nhật sinh viên |
| **Tác nhân chính** | User |
| **Mức** | 2 |
| **Tiền điều kiện** | Không có tiền điều kiện |
| **Người chịu trách nhiệm** | User |
| **Đảm bảo tối thiểu** | Không có |
| **Đảm bảo thành công** | Vào được mức 3 |
| **Kích hoạt** | User chọn chức năng cập nhật trong menu |
| **Chuỗi sự kiện chính** | 1. Hệ thông hiển thị menu 2. User nhập tùy chọn hợp lệ |
| **Ngoại lệ** | 1. User nhập sai thông tin yêu câu nhập lại |

* 1. Kịch bản cho use case cập nhật sinh viên

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case** | Tìm kiếm sinh viên |
| **Tác nhân chính** | User |
| **Mức** | 2 |
| **Tiền điều kiện** | Sử dụng chức năng cập nhật |
| **Người chịu trách nhiệm** | User |
| **Đảm bảo tối thiểu** | Phải sử dụng chức năng cập nhật |
| **Đảm bảo thành công** | Tìm kiếm được thông tin trong CSDL |
| **Kích hoạt** | User chọn chức năng tìm kiếm |
| **Chuỗi sự kiện chính** | 1. Hiển thị hệ thống menu 2. Chọn chức năng cập nhật 3. Chọn chức năng tìm kiếm |
| **Ngoại lệ** | Tìm kiếm sai thông tin or thông tin không có trong CSDL |

* 1. Kịch bản cho use case sắp xếp sinh viên

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case** | Sắp xếp sinh viên |
| **Tác nhân chính** | User |
| **Mức** | 2 |
| **Tiền điều kiện** | Sử dụng chức năng sắp xếp sinh viên |
| **Người chịu trách nhiệm** | User |
| **Đảm bảo tối thiểu** | Phải sử dụng chức năng sử dụng chức năng sắp xếp thông tin |
| **Đảm bảo thành công** | Truy nhập vào được mức 3 |
| **Kích hoạt** | User chọn chức sắp xếp sinh viên |
| **Chuỗi sự kiện chính** | 1. Hiển thị được hệ thông menu 2. User chọn chức năng sắp xếp |
| **Ngoại lệ** | Không có ngoại lệ |

* 1. Kịch bản cho use case thống kê sinh viên

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case** | Thống kê sinh viên |
| **Tác nhân chính** | User |
| **Mức** | 2 |
| **Tiền điều kiện** | Sử dụng chức năng thống kê |
| **Người chịu trách nhiệm** | User |
| **Đảm bảo tối thiểu** | Phải sử dụng chức năng thống kê |
| **Đảm bảo thành công** | Sử dụng được chức năng ơ mức 3 |
| **Kích hoạt** | User chọn chức thống kê |
| **Chuỗi sự kiện chính** | 1. Hiển thị menu 2. Người dùng chọn vào chức năng thống kê |
| **Ngoại lệ** | Người dùng ko chọn chức năng thống kê |

* 1. Kịch bản cho use case xuất sinh viên

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case** | Xuất sinh viên |
| **Tác nhân chính** | User |
| **Mức** | 2 |
| **Tiền điều kiện** | Sử dụng chức năng xuất sinh viên |
| **Người chịu trách nhiệm** | User |
| **Đảm bảo tối thiểu** | User chọn chức năng xuất sinh viên |
| **Đảm bảo thành công** | Người dùng xem được thông tìn trong csdl |
| **Kích hoạt** | User chọn chức năng xuất sinh viên |
| **Chuỗi sự kiện chính** | 1. Hiển thị menu 2. Người dụng chọn chức năng xuất sinh viên |
| **Ngoại lệ** | Người dùng ko chọn chức năng xuất sinh viên hoặc chọn chức năng xuất sinh viên mà ko thể hiển thị sinh viên ra ngoài màn hình |

* 1. Kịch bản cho use case thêm sinh viên

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case** | Thêm sinh viên |
| **Tác nhân chính** | User |
| **Mức** | 3 |
| **Tiền điều kiện** | Sử dụng chức năng thêm sinh viên |
| **Người chịu trách nhiệm** | User |
| **Đảm bảo tối thiểu** | Phải sử dụng chức năng thêm sinh viên |
| **Đảm bảo thành công** | Thêm được sinh viên vào CSDL |
| **Kích hoạt** | User chọn chức năng thêm sinh viên |
| **Chuỗi sự kiện chính** | 1. Hiển thị menu 2. User chọn chức năng cập nhật 3. User chọn chức năng thêm sinh viên |
| **Ngoại lệ** | Người dùng không chọn được chức năng thêm sinh viên.  Không thêm được sinh viên vào CSDL |

* 1. Kịch bản cho use case sửa sinh viên

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case** | Sửa sinh viên |
| **Tác nhân chính** | User |
| **Mức** | 3 |
| **Tiền điều kiện** | Sử dụng chức năng sửa sinh viên |
| **Người chịu trách nhiệm** | User |
| **Đảm bảo tối thiểu** | Phải sử dụng chức năng sửa sinh viên |
| **Đảm bảo thành công** | Sửa được sinh viên trong cơ sở dữ liệu |
| **Kích hoạt** | User chọn chức năng sửa sinh viên |
| **Chuỗi sự kiện chính** | 1. Hiển thị menu 2. Chọn chức năng cập nhật 3. Chọn chức năng sửa sinh viên |
| **Ngoại lệ** | Người dùng ko sửa được sinh viên trong csdl |

* 1. Kịch bản cho use case xóa sinh viên

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case** | Xóa sinh viên |
| **Tác nhân chính** | User |
| **Mức** | 3 |
| **Tiền điều kiện** | Sử dụng chức năng xóa sinh viên |
| **Người chịu trách nhiệm** | User |
| **Đảm bảo tối thiểu** | Phải sử dụng chức năng xóa sinh viên |
| **Đảm bảo thành công** | User có thể xóa được sinh viên trong csdl |
| **Kích hoạt** | User chọn chức năng xóa sinh viên |
| **Chuỗi sự kiện chính** | 1. Hiển thị menu 2. Chọn chức năng cập nhật 3. Chọn chức năng xóa sinh viên |
| **Ngoại lệ** | Người dùng ko xóa được sinh viên trong csdl |

* 1. Kịch bản cho use case sắp sếp sinh viên theo sbd

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case** | Sắp xếp sinh viên theo số báo danh |
| **Tác nhân chính** | User |
| **Mức** | 3 |
| **Tiền điều kiện** | Sử dụng chức năng sắp xếp sinh viên theo số báo danh |
| **Người chịu trách nhiệm** | User |
| **Đảm bảo tối thiểu** | Phải sử dụng chức năng sắp xếp sinh viên theo số báo danh |
| **Đảm bảo thành công** | Sắp xếp được sinh viên tăng dần theo số báo danh |
| **Kích hoạt** | User chọn chức năng sắp xếp theo số báo danh |
| **Chuỗi sự kiện chính** | 1. Hiển thị menu 2. Chọn chức năng sắp xếp 3. Chọn chức năng sắp xếp theo số báo danh |
| **Ngoại lệ** | Không sắp xếp được sinh viên tăng dân theo sô báo danh |

* 1. Kịch bản cho use case sắp xếp sinh viên tăng dần theo điểm tổng

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case** | Sắp xếp sinh viên theo điểm tổng |
| **Tác nhân chính** | User |
| **Mức** | 3 |
| **Tiền điều kiện** | Sử dụng chức năng sắp xếp tăng dần theo điểm tổng |
| **Người chịu trách nhiệm** | User |
| **Đảm bảo tối thiểu** | Phải sử dụng chức năng sắp xếp tăng dần theo điểm tổng |
| **Đảm bảo thành công** | Sắp xêp sinh viên tăng dần theo điểm tổng |
| **Kích hoạt** | User chọn chức sắp xếp sinh viên theo điểm tổng |
| **Chuỗi sự kiện chính** | 1. Hiển thị menu 2. Chọn chức năng sắp xếp 3. Chọn chức năng sắp xếp theo điểm tổng |
| **Ngoại lệ** | Không sắp xếp được thi sinh theo điểm tổng  Quay về menu chính |

* 1. Kịch bản cho use case sắp xếp sinh viên tăng dần theo Anphabe

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case** | Sắp xếp sinh viên theo Anphabe |
| **Tác nhân chính** | User |
| **Mức** | 3 |
| **Tiền điều kiện** | Sử dụng chức năng sắp xếp tăng dần theo Anphabe |
| **Người chịu trách nhiệm** | User |
| **Đảm bảo tối thiểu** | Phải sử dụng chức năng sắp xếp tăng dần theo Anphabe |
| **Đảm bảo thành công** | Sắp xêp sinh viên tăng dần theo Anphabe |
| **Kích hoạt** | User chọn chức sắp xếp sinh viên theo Anphabe |
| **Chuỗi sự kiện chính** | 1. Hiển thị menu 2. Chọn chức năng sắp xếp 3. Chọn chức năng sắp xếp theo Anphabe |
| **Ngoại lệ** | Không sắp xếp được thi sinh theo Anphabe  Quay về menu chính |

* 1. Kịch bản cho use case tìm kiếm sinh viên theo điểm tổng

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case** | Sắp xếp sinh viên theo điểm tổng |
| **Tác nhân chính** | User |
| **Mức** | 3 |
| **Tiền điều kiện** | Sử dụng chức năng sắp xếp tăng dần theo điểm tổng |
| **Người chịu trách nhiệm** | User |
| **Đảm bảo tối thiểu** | Phải sử dụng chức năng sắp xếp tăng dần theo điểm tổng |
| **Đảm bảo thành công** | Sắp xêp sinh viên tăng dần theo điểm tổng |
| **Kích hoạt** | User chọn chức sắp xếp sinh viên theo điểm tổng |
| **Chuỗi sự kiện chính** | 1. Hiển thị menu 2. Chọn chức năng sắp xếp 3. Chọn chức năng sắp xếp theo điểm tổng |
| **Ngoại lệ** | Không sắp xếp được thi sinh theo điểm tổng  Quay về menu chính |

* 1. Kịch bản cho use case tìm kiếm theo SBD

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case** | Tìm kiếm sinh viên theo SBD |
| **Tác nhân chính** | User |
| **Mức** | 3 |
| **Tiền điều kiện** | Sử dụng chức năng tìm kiếm sinh viên theo SBD |
| **Người chịu trách nhiệm** | User |
| **Đảm bảo tối thiểu** | Phải sử dụng chức năng tìm kiếm theo SBD |
| **Đảm bảo thành công** | Tim kiếm sinh viên theo SBD |
| **Kích hoạt** | User chọn chức năng tìm kiếm sinh viên theo SBD |
| **Chuỗi sự kiện chính** | 1. Hiển thị menu 2. Chọn chức năng tìm kiếm 3. Chọn chức năng tìm kiếm sinh viên theo SBD |
| **Ngoại lệ** | Không sắp xếp được thi sinh theo điểm tổng  Quay về menu chính |

* 1. Kịch bản cho use case tìm kiếm sinh viên theo họ tên

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case** | Tìm kiếm sinh viên theo họ tên |
| **Tác nhân chính** | User |
| **Mức** | 3 |
| **Tiền điều kiện** | Sử dụng chức năng tìm kiếm sinh viên theo họ tên |
| **Người chịu trách nhiệm** | User |
| **Đảm bảo tối thiểu** | Phải sử dụng chức năng tìm kiếm sinh viên theo họ tên |
| **Đảm bảo thành công** | Tìm kiếm sinh viên theo họ tên |
| **Kích hoạt** | User chọn chức sắp tìm kiếm sinh viên theo họ tên |
| **Chuỗi sự kiện chính** | 1. Hiện thị menu 2. Chọn chức năng tìm kiếm 3. Chọn chức năng tim kiếm theo họ tên |
| **Ngoại lệ** | Không sắp xếp được thi sinh theo điểm tổng  Quay về menu chính |

* 1. Kịch bản cho use case tìm kiếm sinh viên theo môn

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case** | Tìm kiếm sinh viên theo môn |
| **Tác nhân chính** | User |
| **Mức** | 3 |
| **Tiền điều kiện** | Sử dụng chức năng tìm kiếm sinh viên theo môn |
| **Người chịu trách nhiệm** | User |
| **Đảm bảo tối thiểu** | Phải sử dụng chức năng tìm kiếm sinh viên theo môn học |
| **Đảm bảo thành công** | Tìm kiếm sinh viên theo môn học |
| **Kích hoạt** | User chọn chức năng tìm kiếm sinh viên theo môn học |
| **Chuỗi sự kiện chính** | 1. Hiển menu 2. Chọn chức năng tìm kiếm 3. Chọn chức năng tìm kiếm theo môn |
| **Ngoại lệ** | Không sắp xếp được thi sinh theo điểm tổng  Quay về menu chính |

* 1. Kịch bản cho use case thông kê tổng số sinh viên

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case** | Thông kê tổng số sinh viên |
| **Tác nhân chính** | User |
| **Mức** | 3 |
| **Tiền điều kiện** | Sử dụng chức năng thống kê tổng số sinh viên |
| **Người chịu trách nhiệm** | User |
| **Đảm bảo tối thiểu** | Phải sử dụng chức năng thống kê tổng số sinh viên |
| **Đảm bảo thành công** | Thông kê tổng số sinh viên trong CSDL |
| **Kích hoạt** | User chọn chức năng thông kê tông số sinh viên |
| **Chuỗi sự kiện chính** | 1. Hiển thị menu 2. Chọn chức năng thống kê 3. Chọn chức năng thông kê tổng số thi sinh |
| **Ngoại lệ** | Không thống kê được tổng số thi sinh  Quay về menu chính |

* 1. Kịch bản cho use case thông kê sinh viên có điểm nhỏ hơn 15

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case** | Thông kê sinh viên có tổng điểm nhỏ hơn 15 |
| **Tác nhân chính** | User |
| **Mức** | 3 |
| **Tiền điều kiện** | Sử dụng chức năng thống kê sinh viên có tổng điểm nhỏ hơn 15 |
| **Người chịu trách nhiệm** | User |
| **Đảm bảo tối thiểu** | Phải sử dụng chức năng thống kế sinh viên có tổng điểm nhỏ hơn 15 |
| **Đảm bảo thành công** | Thông kê tổng số sinh viên trong CSDL |
| **Kích hoạt** | User chọn chức năng thông kê sinh viên có tổng điểm nhỏ hơn 15 |
| **Chuỗi sự kiện chính** | 1. Hiển thị menu 2. Chọn chức năng thống kê 3. Chọn chức năng thông kê sinh viên có tổng điểm nhỏ hơn 15 |
| **Ngoại lệ** | Không thống kê được tổng số thi sinh  Quay về menu chính |

* 1. Kịch bản cho use case thông kê sinh viên có tổng điểm từ 15 đến 20

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên use case** | Thông kê tổng số sinh viên có tổng điểm từ 15 đến 20 |
| **Tác nhân chính** | User |
| **Mức** | 3 |
| **Tiền điều kiện** | Sử dụng chức năng thống kê sinh viên có tổng điểm từ 15 đến 20 |
| **Người chịu trách nhiệm** | User |
| **Đảm bảo tối thiểu** | Phải sử dụng chức năng thống kê sinh viên có tổng điểm từ 15 đến 20 |
| **Đảm bảo thành công** | Thông kê tổng số sinh viên trong CSDL |
| **Kích hoạt** | User chọn chức năng thông kê tông số sinh viên |
| **Chuỗi sự kiện chính** | 1. Hiển thị menu 2. Chọn chức năng thống kê 3. Chọn chức năng thông kê tổng số thi sinh |
| **Ngoại lệ** | Không thống kê được tổng số thi sinh  Quay về menu chính |